

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 02/2019/HSST
Ngày 05 tháng 3 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Thanh Hùng;
Ông Huỳnh Trung Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Giang, Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/TLST-HS ngày 11/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HS ngày 19/02/2019, đối với các bị cáo:

1) Trương Văn L, sinh năm 1991 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: ấp Long P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T, sinh năm 1945 và bà Đặng Thị B, sinh năm 1947; có vợ là Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1993 và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không; bị bắt tạm giữ ngày 24/7/2018, tạm giam ngày 02/8/2018; có mặt.

2) Phạm Hoàng N, sinh năm 1974 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Khóm Z, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: mua bán; Trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hồng (Hoàng) Y, sinh năm 1942 (chết) và bà Nguyễn Thị G (D), sinh năm 1944 (chết); có vợ là Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1972 và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 12 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo bản án số 19/ST ngày 20/5/1994; bị xử phạt 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc” theo bản án số: 42/2009/HS-ST ngày 29/9/2009, bị bắt tạm giam ngày 02/8/2018, có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

1) Nguyễn Minh N, sinh năm 1986, nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, là người làm chứng.

2) Huỳnh Thanh H, sinh năm 1999, nơi cư trú: Ấp U, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, là người làm chứng.

3) Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1993, nơi cư trú: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, là người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 23/7/2018, bị cáo Trương Văn L điều khiển xe ô tô chở vợ và con từ thành phố Hồ Chí Minh về đến nhà tại ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô đến nhờ và chở Nguyễn Minh N về nhà để sửa dàn loa âm thanh, trên đường đi thì bị cáo Phạm Hoàng N đang điều khiển xe mô tô chạy ngược chiều thấy bị cáo L nên quay xe lại. Khi đến nhà, vào phòng ngủ của L thì N tiến hành sửa loa, còn L lấy bộ dụng cụ có sẵn ma túy để sử dụng cùng với N. Sau khi thắp nhang xong thì N vào phòng và hút được 01 hơi thì ma túy trong nỏ hết. Lúc này L đứng dậy lấy 01 gói ma túy trong túi quần ra và kêu N tiêm thêm vào nỏ để sử dụng tiếp, sau khi tiêm vào nỏ, phần ma túy còn lại N để trên sàn nhà. Trong lúc cả ba người đang sử dụng thì nghe tiếng kêu nên L kêu N ra mở cửa. Khi N mở cửa phát hiện có Công an, liền đóng và chốt cửa phòng ngủ lại và nói cho L hay, liền sau đó N và N thu dọn bộ dụng cụ sử dụng ma túy và giấu vào két tủ, còn L cầm hộp giấy màu đen có chữ “CHANEL” để lên đầu tủ, rồi đi lại chỗ quạt thông gió trong phòng, N liền chụp gói ma túy đưa cho L để ném ra ngoài. Qua kiểm tra, lực lượng Công an huyện T phát hiện bộ dụng cụ sử dụng ma túy còn dính chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy nên lập biên bản niêm phong (mẫu ký hiệu số 4) và tiến hành khám nghiệm hiện trường thu giữ 01 túi nylon có nẹp cố định viền màu đỏ mà bị cáo L ném ra ngoài từ cửa quạt thông gió (mẫu ký hiệu số 5).

- Qua khám xét chỗ ở của bị cáo L đã thu giữ:

+ 01 hộp giấy màu đen có chữ “CHANEL” (mẫu ký hiệu số 6), bên trong có 01 gói nylon hàn kín có chứa tinh thể rắn màu trắng (mẫu ký hiệu số 6.1); 09 viên nén hình tròn màu xanh có ký hiệu \$ trên bề mặt và 01 túi nylon có nẹp cố định viền màu đỏ bên trong có chứa chất bột rắn màu xanh (mẫu ký hiệu số 6.2).

+ 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200 đồng gấp lại, bên trong có chứa chất bột rắn màu trắng (mẫu ký hiệu số 7).

- Theo Kết luận giám định số: 527/KL-KTHS ngày 29/7/2018 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận:

+ Tinh thể rắn chứa (dính) trong 1 nỏ thủy tinh được niêm phong trong phòng bì ghi ký hiệu số 4 nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,2607gam, loại Methamphetamine (Danh mục II, Nghị định số 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ).

+ Tinh thể rắn chứa trong 1 bìch nylon hàn kín được niêm phong trong phong bì ghi ký hiệu số 6.1 nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,3507gam, loại Methamphetamine.

+ Các viên nén hình tròn màu xanh (09 viên nén), bề mặt có ký hiệu \$ chứa trong 1 bìch nylon dạng nắp kẹp một đầu được niêm phong trong phong bì ghi ký hiệu số 6.2 nêu trên gửi giám định đều là chất ma túy, có tổng khối lượng 3,1820gam, loại Methamphetamine và MDMA (MDMA thuộc Danh mục I, Nghị định số 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ).

+ Chất bột màu nâu chứa trong 1 bìch nylon dạng nắp kẹp một đầu được niêm phong trong phong bì ghi ký hiệu số 6.2 nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 1,4318gam, loại Ketamine (Ketamine thuộc Danh mục III, Nghị định số 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ).

+ Chất bột màu trắng được gói trong 1 tờ tiền mệnh giá 200 đồng được niêm phong trong phong bì ghi ký hiệu số 7 nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,1517gam, loại Ketamine.

- Theo Kết luận giám định số: 3139/1/C09B ngày 29/8/2018 của Phân viện KHHS tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc Viện Khoa học hình sự kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 2,9732gam, loại Methamphetamine (Mẫu ký hiệu số 5).

- Vật chứng thu giữ của vụ án gồm: các mẫu vật hoàn lại sau khi giám định chất ma túy có ký hiệu như trên; 01 nỏ thủy tinh; 01 bình thủy tinh; 01 bật lửa; 01 hộp giấy màu đen có chữ “CHANEL”; 01 tờ tiền mệnh giá 200 đồng.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả kiểm tra và thu giữ nêu trên.

- Bản cáo trạng số: 01/CT-VKS-TN ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp truy tố các bị cáo:

+ Trương Văn L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 17 và điểm g, n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự;

+ Phạm Hoàng N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 17 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

+ Đối với hành vi của Nguyễn Minh N không chứng minh được hành vi đồng phạm nên không đặt ra xử lý trách nhiệm hình sự mà chuyển hồ sơ về UBND xã A quản lý theo Nghị định số 111/CP của Chính phủ.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng Điều 17; điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn L với mức hình phạt từ 05 – 06 năm tù giam và phạt bổ sung số tiền 5.000.000 – 10.000.000 đồng.

+ Áp dụng Điều 17; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hoàng N với mức hình phạt từ 01 – 02 năm tù giam, không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: các vật chứng liên quan đến ma túy nêu trên, riêng tờ tiền mệnh giá 200 đồng thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo, thừa nhận hành vi và thống nhất tội danh theo Viện kiểm sát đã truy tố, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo L, N thừa nhận toàn bộ hành vi đúng diễn biến như Bản cáo trạng đã truy tố và thống nhất tội danh mà Kiểm sát viên đề nghị.

Xét thấy sự thừa nhận này của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp sự thật khách quan của vụ án và các chứng cứ khác có trong hồ sơ như vật chứng, kết luận giám định, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, ...

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1gam đến dưới 05 gam.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

g) Heroin, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam.

...

n) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Bị cáo L thừa nhận gói ma túy mà bị cáo ném qua cửa thông gió trong phòng ngủ với sự giúp sức của bị cáo N đã bị Công an thu giữ với khối lượng 2,9732gam ma túy loại Methamphetamine là của bị cáo mua, cất giấu trong túi quần và đem ra

sử dụng cùng N và N tại phòng ngủ. Còn các loại ma túy khác thì bị cáo mua và cất nhiều chỗ trong phòng nhằm mục đích sử dụng. Do đó bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa bị cáo thống nhất khối lượng ma túy mà bị cáo cất giữ tổng khối lượng 8,3501gam gồm nhiều loại: Methamphetamine, MDMA (6,7666gam) và Ketamine (1,5835gam) theo như kết quả giám định. Nên với việc tàng trữ 03 loại ma túy với khối lượng 8,3501gam đã đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo L phạm tội theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự. Từ đó xét thấy việc rút một phần quyết định truy tố của Viện kiểm sát tại phiên tòa (không truy tố bị cáo L phạm tội theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự) là có cơ sở, nên chấp nhận.

Đối với bị cáo N biết rõ gói nylon mà bị cáo L đưa là ma túy nên đã tiêm vào nỏ sử dụng, phần còn lại để trên sàn nhà gần chỗ ngồi, khi gặp Công an thì bị cáo cố tình đóng và chốt cửa để nhằm không cho Công an vào kiểm tra, rồi báo cho L biết và cầm gói ma túy để trên sàn nhà đưa cho L ném ra ngoài, nhằm phi tang chứng cứ ma túy (cất giấu chỗ khác bất hợp pháp), nên đồng phạm với bị cáo L trong vai trò giúp sức. Tuy nhiên việc giúp sức này, qua kết giám định có khối lượng 2,9732gam ma túy loại Methamphetamine, nên đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo mang tính nguy hiểm cho xã hội, vì ma túy là chất kích thích gây nghiện nguy hiểm, gây hại cho sức khỏe con người và xã hội, vì vậy các chất ma túy được Nhà nước quản lý rất nghiêm ngặt và chỉ được cất giữ, sử dụng trong nghiên cứu khoa học, sản xuất thuốc khi được Nhà nước cho phép. Nên việc tàng trữ như trên của các bị cáo đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, nên cần thiết phải xử lý để có tác dụng giáo dục và răn đe tội phạm. Trong vụ án này, các bị cáo đồng phạm theo Điều 17 Bộ luật hình sự, trong đó vai trò của bị cáo L là người thực hành, còn bị cáo N là người giúp sức, nên để phân hóa tội phạm cần nghiêm khắc xử lý tương xứng với hành vi mà từng bị cáo đã gây ra.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ, hậu quả và ý thức phạm tội của các bị cáo, nghĩ cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống để được giáo dục trở thành công dân tốt, có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo L thừa nhận có tài sản và thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế đảm bảo nên Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bổ sung đối với bị cáo L với số tiền 10.000.000đồng. Còn bị cáo N chỉ là đồng phạm với vai trò giúp sức, tại phiên tòa khai nghề nghiệp mua bán nhưng thực ra là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, không có tài sản có giá trị. Nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

[3] Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý như sau:

- Các vật, dụng cụ liên quan đến tội phạm ma túy trong vụ án này đều là vật cấm tàng trữ, lưu hành hoặc không có giá trị, nghĩ nên tịch thu tiêu hủy.

- Tờ tiền Việt Nam có mệnh giá 200 đồng thì tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để buộc mỗi bị cáo chịu án phí 200.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố các bị cáo Trương Văn L, Phạm Hoàng N phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm n khoản 2, khoản 5 Điều 249; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Trương Văn L:

+ Hình phạt chính: 05 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 24/7/2018);

+ Hình phạt bổ sung: 10.000.000đồng.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Phạm Hoàng N 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 02/8/2018).

- *Xử lý vật chứng :*

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu và tiêu hủy: 01 túi nylon có nẹp cố định viền màu đỏ, kích thước 12cm x 07cm, bên trong có chứa nhiều tinh thể rắn, màu trắng, khối lượng hoàn trả sau giám định là 2,7391gam, được niêm phong trong hộp giấy ghi vụ số: 3139/1(C09B) ngày 13/9/2018, có chữ ký niêm phong của Võ Minh T và Nguyễn Phước N; Tinh thể còn lại sau giám định có khối lượng 0,3072gam trong phong bì ghi ký hiệu số 6.1, được niêm phong số: 527/2 ngày 30/7/2018; Các viên nén hình tròn màu xanh có khối lượng 3,0244gam và chất bột màu nâu còn lại sau giám định có khối lượng 1,3613gam trong phong bì ghi ký hiệu số 6.2, được niêm phong số: 527/3 ngày 30/7/2018; Chất bột màu trắng còn lại sau giám định có khối lượng 0,1277gam trong phong bì ghi ký hiệu số 7, được niêm phong số: 527/4 ngày 30/7/2018. Tất cả phong bì niêm phong số: 527/2, 527/3, 527/4 được niêm phong trong cùng 01 hộp giấy, bên ngoài hộp giấy ghi niêm phong số: 527 ngày 30/7/2018, có chữ ký niêm phong của Trần Thị Ý N, Nguyễn Văn Bé N, Nguyễn Ngân Đ và có đóng dấu tròn màu đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp; 01 nỏ thủy tinh có 01 đầu hình cầu, dài 20cm, trên nỏ có gắn ống hút nhựa màu xanh dài 6,5cm và tinh thể rắn chứa trong nỏ thủy tinh còn lại sau giám định có khối lượng 0,2301gam trong phong bì ghi ký hiệu số 4, được niêm phong

số: 527/1 ngày 30/7/2018, có chữ ký niêm phong của Trần Thị Ý N, Nguyễn Văn Bé N, Nguyễn Ngân Đ và có đóng dấu tròn màu đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp; 01 bình thủy tinh có kích thước: cao 20,5cm, đường kính miệng bình là 2,8cm, đường kính đế bình là 7.8cm, phần đế cao 04cm, miệng bình được gắn 01 ống hút nhựa màu cam dài 22,5cm; 01 bật lửa đế bằng nhựa màu cam, đầu bật lửa được gắn 01 ống thủy tinh hình bầu dục, thân bật lửa có chữ Aomai ZB-275, bật lửa cao 19,5cm; 01 hộp giấy màu đen, có kích thước 04cm x 24cm x 26cm, trên hộp giấy có chữ CHANEL.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 tờ tiền mệnh giá 200 đồng (được niêm phong trong phong bì ghi ký hiệu số 7).

(Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý các vật chứng nêu trên theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15/01/2019).

- *Án phí hình sự sơ thẩm*: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Bị cáo Trương Văn L phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

+ Bị cáo Phạm Hoàng N phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- CSĐT CA huyện Tam Nông;
- THA HS CA huyện Tam Nông;
- CC THA DS huyện Tam Nông;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Trí Viễn